

Số: 200/TB-ĐHYD-SĐH

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 3 năm 2020

**THÔNG BÁO**  
**Về việc tuyển sinh sau đại học năm 2020**

Kính gửi:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Bộ Y tế;
- Các Sở Y tế;
- Các Trường đại học thuộc nhóm ngành sức khỏe;
- Các Bệnh viện trung ương.

Căn cứ Quyết định số 1238/QĐ-BYT ngày 03 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1636/2001/QĐ-BYT và Quyết định số 1637/2001/QĐ-BYT ngày 25 tháng 5 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Quy chế đào tạo chuyên khoa cấp I và chuyên khoa cấp II sau đại học;

Căn cứ Công văn số 5267/BYT-K2ĐT ngày 29 tháng 7 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc miễn thi ngoại ngữ tuyển sinh chuyên khoa cấp II sau đại học;

Căn cứ Công văn số 622/BYT-K2ĐT ngày 12 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc hướng dẫn tuyển sinh và đào tạo chuyên khoa cấp I, chuyên khoa cấp II, bác sĩ nội trú năm 2020;

Căn cứ Thông tư số 41/2011/TT-BYT ngày 14 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc hướng dẫn cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 2330/QĐ-ĐHYD ngày 30 tháng 7 năm 2015 của Hiệu trưởng Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 1180/QĐ-ĐHYD ngày 03 tháng 5 năm 2017 của Hiệu trưởng Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư số 25/2017/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 1093/QĐ-BGDĐT ngày 23 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc chuyển đổi tên và mã số các ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ của Trường Đại học Y Dược Thành phố theo Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT và Thông tư số 25/2017/TT-BGDĐT;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 40/2015/TTLT-BTC-BGDĐT ngày 27 tháng 3 năm 2015 giữa Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí dự thi, dự tuyển (lệ phí tuyển sinh);

Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh sẽ tổ chức thi tuyển chuyên khoa cấp I (CKI), chuyên khoa cấp II (CKII), trình độ thạc sĩ (Cao học) và trình độ tiến sĩ (Nghiên cứu sinh: NCS) năm 2020 cho các Bác sĩ, Dược sĩ và Cử nhân thuộc lĩnh vực sức khỏe như sau:

## I. CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO VÀ HÌNH THỨC ĐÀO TẠO

### 1. Chuyên ngành đào tạo

a. Chuyên ngành đào tạo chuyên khoa cấp I và chuyên khoa cấp II:

| TT           | NGÀNH / CHUYÊN NGÀNH                | CKI |      | CKII |      | GHI CHÚ |
|--------------|-------------------------------------|-----|------|------|------|---------|
|              |                                     | TT  | TTCC | TT   | TTCC |         |
| <b>Y HỌC</b> |                                     |     |      |      |      |         |
| 1.           | <b>Chẩn đoán hình ảnh</b>           | X   |      |      |      |         |
|              | + X Quang                           |     |      | X    |      |         |
|              | + Siêu âm                           |     |      | X    |      |         |
| 2.           | <b>Chăm sóc giảm nhẹ</b>            | X   |      |      |      |         |
| 3.           | <b>Da liễu</b>                      | X   |      | X    |      |         |
| 4.           | <b>Dinh dưỡng</b>                   | X   |      |      |      |         |
| 5.           | <b>Giải phẫu bệnh</b>               | X   |      | X    |      |         |
| 6.           | <b>Gây mê hồi sức</b>               | X   |      | X    |      |         |
| 7.           | <b>Hóa sinh y học</b>               | X   |      | X    |      |         |
| 8.           | <b>Hồi sức cấp cứu</b>              | X   |      | X    |      |         |
| 9.           | <b>Huyết học</b>                    | X   |      | X    |      |         |
| 10.          | <b>Ký sinh trùng - Côn trùng</b>    | X   |      |      |      |         |
| 11.          | <b>Lao</b>                          | X   |      | X    |      |         |
| 12.          | <b>Nhi khoa</b>                     | X   |      |      |      |         |
|              | + Nhi - Sơ sinh                     |     |      | X    |      |         |
|              | + Nhi - Tiêu hóa                    |     |      | X    |      |         |
|              | + Nhi - Hô hấp                      |     |      | X    |      |         |
|              | + Nhi - Tim mạch                    |     |      | X    |      |         |
|              | + Nhi - Thần kinh                   |     |      | X    |      |         |
|              | + Nhi: Huyết học - Ung bướu         |     |      | X    |      |         |
|              | + Nhi - Thận                        |     |      | X    |      |         |
|              | + Nhi - Nội tiết và chuyển hóa      |     |      | X    |      |         |
|              | + Nhi - Hồi sức                     |     |      | X    |      |         |
| 13.          | <b>Nội khoa (Nội tổng quát)</b>     | X   |      |      |      |         |
|              | + Lão khoa                          | X   |      | X    |      |         |
|              | + Nội - Tiêu hóa                    |     |      | X    |      |         |
|              | + Nội - Hô hấp                      |     |      | X    |      |         |
|              | + Nội - Thận tiết niệu              |     |      | X    |      |         |
|              | + Nội - Tim mạch                    |     |      | X    |      |         |
|              | + Nội tiết                          | X   |      | X    |      |         |
| 14.          | <b>Ngoại khoa (Ngoại tổng quát)</b> | X   |      | X    |      |         |
|              | + Chấn thương chỉnh hình            | X   |      | X    |      |         |
|              | + Ngoại - Nhi                       | X   |      | X    |      |         |
|              | + Ngoại - Lồng ngực                 | X   |      | X    |      |         |
|              | + Ngoại - Tiết niệu                 | X   |      | X    |      |         |
|              | + Ngoại - Thần kinh và sọ não       | X   |      | X    |      |         |

| TT              | NGÀNH / CHUYÊN NGÀNH                    | CKI   |      | CKII   |      | GHI CHÚ |
|-----------------|---|-------|------|--------|------|---------|
|                 |   | TT    | TTCC | TT     | TTCC |         |
| 15.             | Nhân khoa                               | X     |      | X      |      |         |
| 16.             | Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ | X (*) |      |        |      |         |
| 17.             | Phục hồi chức năng                      | X     |      |        |      |         |
| 18.             | Quản lý y tế                            |       |      | X      | X    |         |
| 19.             | Răng Hàm Mặt                            | X     |      | X      |      |         |
| 20.             | Sản phụ khoa                            | X     |      | X      |      |         |
| 21.             | Tai Mũi Họng                            | X     |      |        |      |         |
|                 | + Mũi Họng                              |       |      | X      |      |         |
|                 | + Thính học                             |       |      | X      |      |         |
| 22.             | Tâm thần                                | X     |      | X      |      |         |
| 23.             | Thần kinh                               | X     |      | X      |      |         |
| 24.             | Truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới      | X     |      | X      |      |         |
| 25.             | Ung thư                                 | X     |      | X      |      |         |
| 26.             | Vi sinh y học                           | X     |      |        |      |         |
| 27.             | Y học cổ truyền                         | X     |      | X      |      |         |
| 28.             | Y tế công cộng                          | X     |      |        |      |         |
| 29.             | Y học dự phòng                          | X     |      |        |      |         |
| 30.             | Y học gia đình                          | X     |      | X (**) |      |         |
| <b>DƯỢC HỌC</b> |   |       |      |        |      |         |
| 31.             | Công nghệ dược phẩm và bào chế          | X     |      |        |      |         |
| 32.             | Dược lý và dược lâm sàng                | X     |      |        |      |         |
| 33.             | Dược liệu - Dược cổ truyền              | X     |      |        |      |         |
| 34.             | Kiểm nghiệm thuốc - độc chất            | X     |      |        |      |         |
|                 | + Kiểm nghiệm thuốc                     |       |      | X      |      |         |
| 35.             | Tổ chức Quản lý Dược                    | X     |      | X      |      |         |

b. Chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ và trình độ tiến sĩ:

| TT | NGÀNH / CHUYÊN NGÀNH                                 | THẠC SĨ | TIẾN SĨ | GHI CHÚ |
|----|--|---------|---------|---------|
| 1. | Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới              | X       | X       |         |
|    | + Lao  | (a)     | (a)     |         |
|    | + Truyền nhiễm                                       | (a)     | (a)     |         |
| 2. | Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc                 | X       |         |         |
| 3. | Điện quang và y học hạt nhân<br>(Chẩn đoán hình ảnh) | X       |         |         |
| 4. | Điều dưỡng   | X       |         |         |
| 5. | Dược liệu - Dược học cổ truyền                       | X       | X       |         |
| 6. | Dược lý và dược lâm sàng                             | X       | X       |         |
| 7. | Gây mê hồi sức                                       | X       |         |         |
| 8. | Hồi sức cấp cứu và chống độc                         |         | X       |         |
| 9. | Khoa học y sinh                                      | X       | X       |         |
|    | + Giải phẫu bệnh                                     | (b)     |         |         |
|    | + Giải phẫu học                                      | (b)     | (b)     |         |
|    | + Hóa sinh   | (b)     | (b)     |         |

| TT  | NGÀNH / CHUYÊN NGÀNH          | THẠC SĨ | TIỀN SĨ | GHI CHÚ |
|-----|-------------------------------|---------|---------|---------|
|     | + Ký sinh trùng y học         | (b)     |         |         |
|     | + Mô phôi                     | (b)     |         |         |
|     | + Sinh lý học                 | (b)     | (b)     |         |
|     | + Vi sinh y học               | (b)     |         |         |
| 10. | Kiểm nghiệm thuốc và độc chất | X       |         |         |
| 11. | Kỹ thuật phục hồi chức năng   | X (***) |         |         |
| 12. | Kỹ thuật xét nghiệm y học     | X       | X       |         |
| 13. | Ngoại khoa (Ngoại tổng quát)  | X       | X       |         |
|     | + Chấn thương chỉnh hình      | (c)     | (c)     |         |
|     | + Ngoại - Lòng ngực           | (c)     |         |         |
|     | + Ngoại - Nhi                 | (c)     | (c)     |         |
|     | + Ngoại - Tiết niệu           | (c)     |         |         |
|     | + Ngoại - Thần kinh và sọ não | (c)     |         |         |
| 14. | Nhân khoa                     | X       | X       |         |
| 15. | Nhi khoa                      | X       | X       |         |
| 16. | Nội khoa (Nội tổng quát)      | X       | X       |         |
|     | + Da liễu                     | (d)     | (d)     |         |
|     | + Huyết học và truyền máu     | (d)     | (d)     |         |
|     | + Lão khoa                    | (d)     | (d)     |         |
|     | + Nội tiết                    | (d)     |         |         |
|     | + Tâm thần                    | (d)     |         |         |
|     | + Thần kinh                   | (d)     | (d)     |         |
| 17. | Răng - Hàm - Mặt              | X       | X       |         |
| 18. | Sản phụ khoa                  | X       | X       |         |
| 19. | Tai - Mũi - Họng              | X       | X       |         |
| 20. | Tổ chức Quản lý dược          | X       |         |         |
| 21. | Ung thư                       | X       |         |         |
| 22. | Y học cổ truyền               | X       | X       |         |
| 23. | Y học dự phòng                | X       |         |         |
| 24. | Y tế công cộng                | X       | X       |         |

**Ghi chú:**

- TT : Hệ tập trung; TTCC: Hệ tập trung theo chứng chỉ.
- (X) : Ngành / Chuyên ngành có mã số được đào tạo.
- (a): Có tuyển sinh và chung mã ngành Bệnh truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới.
- (b): Có tuyển sinh và chung mã ngành Khoa học y sinh.
- (c): Có tuyển sinh và chung mã ngành Ngoại khoa.
- (d): Có tuyển sinh và chung mã ngành Nội khoa.
- (\*) Thí sinh có chứng chỉ hành nghề với phạm vi hoạt động chuyên môn thuộc các chuyên ngành hệ ngoại (Phẫu thuật tạo hình thẩm mỹ, Ngoại khoa, Nhân khoa, Tai Mũi Họng, Ung thư).
- (\*\*) Thí sinh là giảng viên (cơ hữu hoặc thỉnh giảng) có tham gia công tác giảng dạy bác sĩ Y học gia đình.
- (\*\*\*) Thí sinh là giảng viên (cơ hữu hoặc thỉnh giảng) có tham gia công tác giảng dạy cho sinh viên, học viên chuyên ngành Vật lý trị liệu, Phục hồi chức năng và đã hoàn thành 05 khóa học bổ sung kiến thức về Vật lý trị liệu và phục hồi chức năng (đã có giấy chứng nhận) do Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức (phụ lục 1).

## 2. Hình thức đào tạo và thời gian đào tạo

| Bậc học            | Thời gian đào tạo                              |                          |
|--------------------|--|--------------------------|
|                    | Tập trung                                      | Tập trung theo chứng chỉ |
| Chuyên khoa cấp I  | 2 năm  | 3 – 4 năm                |
| Chuyên khoa cấp II | 2 năm  | 3 – 4 năm                |
| Thạc sĩ            | 2 năm  |                          |
| Tiến sĩ            | - Bằng Đại học: 4 năm<br>- Bằng Thạc sĩ: 3 năm |                          |

## II. ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN

### 1. Điều kiện chung

- Đáp ứng đủ điều kiện về văn bằng và kinh nghiệm công tác theo yêu cầu của từng bậc học.
- Đủ sức khỏe để học tập theo quy định.
- Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý trực tiếp hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.
- Nộp hồ sơ đầy đủ và đúng hạn theo quy định.

*Học viên đang theo học sau đại học tại Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh không được nộp hồ sơ đăng ký dự thi (ngoại trừ học viên Bác sĩ nội trú trúng tuyển kỳ thi tuyển sinh năm 2019 được dự thi trình độ thạc sĩ đúng theo chuyên ngành đang học). Tất cả các trường hợp vi phạm sẽ bị hủy kết quả thi tuyển.*

### 2. Điều kiện cụ thể về văn bằng và thâm niên công tác

| Bậc học            | Điều kiện  |  |
|--------------------|--|--|
|                    | Văn bằng   | Thâm niên công tác   |
| Chuyên khoa cấp I  | - Bằng đại học thuộc ngành tương ứng với chuyên ngành đăng ký dự thi.<br>- Riêng đối với bác sĩ ( <i>Răng Hàm Mất, Y học cổ truyền, Y học dự phòng</i> ) làm việc liên tục trong chuyên ngành đăng ký dự thi từ trước ngày 01/01/2012 cho đến ngày đăng ký dự thi thì được dự thi đúng chuyên ngành đang làm việc. Đối với bác sĩ y học dự phòng tốt nghiệp sau ngày 01/01/2012 đã được cấp chứng chỉ hành nghề với phạm vi hoạt động chuyên môn là khám, phát hiện và xử trí các bệnh thông thường; xử trí ban đầu một số trường hợp cấp cứu thì được đăng ký dự thi chuyên ngành Y học gia đình. | - Có chứng chỉ hành nghề phù hợp với chuyên ngành dự thi ( <i>chuyên ngành Y tế công cộng không yêu cầu chứng chỉ hành nghề</i> ). Đối với trường hợp đăng ký dự thi chuyên ngành khác với phạm vi hoạt động chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề đã được cấp thì phải có giấy xác nhận của thủ trưởng cơ sở khám bệnh, chữa bệnh về thâm niên công tác tối thiểu 12 tháng trong chuyên ngành đăng ký dự thi (tính đến ngày nộp hồ sơ).<br>- Công văn cử đi dự thi của cơ quan quản lý trực tiếp có xác nhận đang công tác trong chuyên ngành dự thi (theo mẫu). |
| Chuyên khoa cấp II | - Bằng CKI hoặc thạc sĩ của ngành/ chuyên ngành tương ứng với ngành/ chuyên ngành đăng ký dự thi hoặc đăng ký dự thi theo nguyên tắc   | - Sau khi tốt nghiệp CKI, hoặc 36 tháng sau khi tốt nghiệp Thạc sĩ (tính đến ngày nộp hồ sơ).  |

| Bậc học        | Điều kiện   |   |
|----------------|---|---|
|                | Văn bằng  | Thâm niên công tác  |
|                | chuyên ngành hẹp (sâu) của ngành tương ứng với ngành đã được đào tạo ở trình độ CKI hoặc thạc sĩ.   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có chứng chỉ hành nghề phù hợp với chuyên ngành dự thi.</li> <li>- Công văn cử đi dự thi của cơ quan quản lý trực tiếp có xác nhận đang công tác trong chuyên ngành dự thi (theo mẫu).</li> </ul>  |
| <b>Thạc sĩ</b> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bằng đại học thuộc ngành đúng hoặc phù hợp với chuyên ngành đăng ký dự thi.</li> <li>- Riêng đối với bằng đại học thuộc khối ngành sức khỏe hoặc bằng đại học các ngành khác được dự thi chuyên ngành Y tế công cộng. Đối với bằng bác sĩ, cử nhân Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng được dự thi chuyên ngành Kỹ thuật phục hồi chức năng.</li> <li>- Học viên bác sĩ nội trú trúng tuyển năm 2019 được đăng ký dự thi đúng với chuyên ngành đã trúng tuyển.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công văn cử đi dự thi của cơ quan quản lý trực tiếp (theo mẫu) nếu thí sinh dự thi có cơ quan công tác.</li> <li>- Đối với thí sinh dự thi chuyên ngành Y tế công cộng có bằng đại học thuộc khối ngành sức khỏe hoặc bằng đại học các ngành khác yêu cầu có thâm niên công tác và học bổ sung kiến thức trước khi nộp hồ sơ dự thi (<i>phụ lục 2</i>).</li> </ul>                                 |
| <b>Tiến sĩ</b> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bằng tốt nghiệp đại học loại giỏi, hay bằng thạc sĩ ngành đúng, ngành phù hợp hoặc ngành gần với ngành đăng ký dự tuyển.</li> </ul>  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tối thiểu hai năm (24 tháng) công tác trong chuyên ngành dự tuyển sau khi tốt nghiệp đại học (tính đến ngày nộp hồ sơ); đối với thí sinh có bằng thạc sĩ được dự thi ngay.</li> <li>- Công văn cử đi dự thi của cơ quan quản lý trực tiếp (nếu thí sinh dự thi có cơ quan công tác).</li> <li>- Có chứng chỉ hành nghề nếu đề tài đăng ký dự thi có liên quan đến khám bệnh, chữa bệnh.</li> </ul> |

### III. MÔN THI VÀ HÌNH THỨC THI TUYỂN / XÉT TUYỂN

#### 1. Hình thức thi:

- Tất cả các môn thi sẽ được thi bằng hình thức trắc nghiệm.
- Riêng môn ngoại ngữ do có đánh giá kỹ năng viết của thí sinh nên sẽ có thêm phần tự luận.

#### 2. Nội dung thi

- Phù hợp với chương trình đào tạo của từng bậc học.
- Theo đề cương ôn thi sẽ được công bố kèm theo thông báo tuyển sinh.
- Môn ngoại ngữ: Anh văn có phần chuyên ngành và trình độ tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT); nếu thí sinh đăng ký dự thi Pháp văn, Nga văn, Đức văn, Trung văn phải chịu toàn bộ chi phí mời Hội đồng thi.

### 3. Môn thi

#### a. Chuyên khoa cấp I

- Thi hai môn gồm môn cơ sở và môn chuyên ngành (*phụ lục 3 & 4*).

#### b. Chuyên khoa cấp II

- Thi hai môn gồm môn chuyên ngành và môn ngoại ngữ (*phụ lục 3 & 4*).

#### c. Thạc sĩ

- Thi ba môn gồm môn cơ sở, môn chuyên ngành và môn ngoại ngữ (*phụ lục 3 & 4*).

#### Các trường hợp miễn thi ngoại ngữ

- Đối với thí sinh dự thi chuyên khoa cấp II và trình độ thạc sĩ

Thí sinh được miễn thi ngoại ngữ khi đáp ứng một trong các điều kiện sau:

+ Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;

+ Có bằng tốt nghiệp đại học chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường đại học của Việt Nam hoặc bằng kỹ sư chất lượng cao (PFIEV) được ủy ban bằng cấp kỹ sư (CTI, Pháp) công nhận, có đối tác nước ngoài cùng cấp bằng;

+ Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài;

+ Có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương trong thời hạn 2 năm từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày đăng ký dự thi, được cấp bởi một cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép hoặc công nhận (*phụ lục 5*).

- Đối với thí sinh dự thi chuyên khoa cấp II được nợ thi môn ngoại ngữ khi có một trong những điều kiện sau:

+ Đang công tác liên tục 03 năm trở lên tại khu vực 1 (có minh chứng), hoặc

+ Đang công tác liên tục 03 năm trở lên tại khu vực 2 nông thôn đối với người không phải dân tộc Kinh (có minh chứng).

▪ Khu vực ưu tiên căn cứ theo bảng phân chia khu vực tuyển sinh đại học, cao đẳng năm 2020.

▪ Các đối tượng được nợ thi môn ngoại ngữ trên sẽ học và thi đạt môn ngoại ngữ trong quá trình đào tạo mới được xét thi tốt nghiệp chuyên khoa cấp II.

#### d. Tiến sĩ

Các điều kiện xét tuyển như sau:

a. Là tác giả tối thiểu 01 bài báo hoặc báo cáo liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

b. Có một trong những văn bằng, chứng chỉ minh chứng về năng lực ngoại ngữ sau:

- Bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp cho người học toàn thời gian ở nước ngoài mà ngôn ngữ sử dụng trong quá trình học tập là tiếng Anh hoặc tiếng nước ngoài khác;

- Bằng tốt nghiệp đại học các ngành ngôn ngữ nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

- Chứng chỉ tiếng Anh TOEFL iBT từ 45 trở lên hoặc chứng chỉ IELTS (Academic Test) từ 5.0 trở lên do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển (*phụ lục 6*).

c. Có đề cương nghiên cứu khoa học (*phụ lục 7*).

d. Thư giới thiệu của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển ít nhất 6 tháng và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu (*phụ lục 8*).

#### IV. ĐỐI TƯỢNG VÀ CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN

Dành cho thí sinh dự thi chuyên khoa cấp I, chuyên khoa cấp II và trình độ thạc sĩ.

##### 1. Đối tượng ưu tiên

- a. Người có thời gian công tác liên tục từ 02 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có Quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;
- b. Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;
- c. Con liệt sĩ;
- d. Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;
- đ. Người dân tộc thiểu số hiện có hộ khẩu thường trú từ 02 năm trở lên ở địa phương được quy định tại điểm a;
- e. Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.

**2. Chính sách ưu tiên:** tương ứng với bậc học đăng ký dự thi:

- a. Chuyên khoa cấp I: Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên được cộng một điểm (1đ) vào kết quả thi cho môn thi chuyên ngành (thang điểm 10).
- b. Chuyên khoa cấp II: Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên được cộng một điểm (1đ) vào kết quả thi cho môn ngoại ngữ (thang điểm 10) nếu không thuộc diện được miễn thi ngoại ngữ theo quy định và cộng một điểm (1đ) vào kết quả thi cho môn thi chuyên ngành (thang điểm 10).
- c. Trình độ thạc sĩ: Người dự thi thuộc diện ưu tiên được cộng mười điểm (10đ) vào kết quả thi cho môn ngoại ngữ (thang điểm 100) nếu không thuộc diện được miễn thi ngoại ngữ theo quy định và cộng một điểm (1đ) vào kết quả thi cho môn thi chuyên ngành (thang điểm 10).

##### Ghi chú:

- Các thí sinh thuộc các đối tượng ưu tiên trên đề nghị nộp minh chứng được ưu tiên và giấy xác nhận của cơ quan có thẩm quyền khi đi nộp hồ sơ đăng ký dự thi (không giải quyết trường hợp bổ sung giấy ưu tiên sau khi đã hết hạn nộp hồ sơ).
- Mỗi thí sinh chỉ được hưởng một diện ưu tiên, thí sinh **không đăng ký ưu tiên** khi nộp hồ sơ dự thi sẽ không được Hội đồng tuyển sinh xét duyệt ưu tiên.
- Khu vực ưu tiên căn cứ bảng phân chia khu vực tuyển sinh đại học, cao đẳng năm 2020.

#### V. ĐIỀU KIỆN XÉT TRÚNG TUYỂN

1. Các môn thi phải đạt từ 5 điểm trở lên (sau khi cộng điểm ưu tiên). Môn thi ngoại ngữ đối với trình độ thạc sĩ phải từ 50 điểm trở lên.
2. Các thí sinh có điểm đạt của tất cả các môn thi sẽ được xếp theo thứ tự tổng điểm (không tính môn ngoại ngữ) từ cao xuống thấp và sẽ được xét trúng tuyển cho đến khi đủ chỉ tiêu đã được phê duyệt.
3. Trong trường hợp có nhiều thí sinh đồng điểm sẽ được xét chọn như sau:
  - a. Đối với thí sinh dự thi chuyên khoa cấp I sẽ xét theo điểm chuyên ngành.
  - b. Đối với thí sinh dự thi chuyên khoa cấp II thì sẽ xét theo thứ tự: 1) miễn thi ngoại ngữ; 2) điểm thi ngoại ngữ.
  - c. Đối với thí sinh dự thi trình độ thạc sĩ sẽ xét theo thứ tự: 1) nữ; 2) điểm chuyên ngành; 3) miễn thi ngoại ngữ; 4) điểm thi ngoại ngữ.
4. Đối với thí sinh dự tuyển trình độ tiến sĩ điểm đánh giá đề cương phải từ 50 điểm trở lên (thang điểm 100).



## VI. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ THI

1. Đơn đăng ký dự thi (có phần xác nhận thâm niên công tác trong chuyên ngành dự thi của cơ quan chủ quản theo mẫu của Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh).
2. Sơ yếu lý lịch có xác nhận của cơ quan quản lý trực tiếp hoặc chính quyền địa phương (*phụ lục 9*).
3. Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp.
4. Bản sao bằng tốt nghiệp bác sĩ, dược sĩ hoặc cử nhân; Bản sao bằng tốt nghiệp CKI hoặc bằng thạc sĩ và bằng điểm cao học nếu dự thi CKII; Bản sao chứng chỉ hành nghề đối với các đối tượng mà điều kiện dự thi yêu cầu (*tất cả các bản sao đều công chứng*).
5. Bốn ảnh 3x4cm chụp không quá 03 tháng (ghi họ tên, ngày sinh, chuyên ngành dự thi ở mặt sau).
6. Công văn cử đi dự thi của cơ quan quản lý trực tiếp (*phụ lục 10*).
7. Biên lai đóng các khoản thu liên quan thi tuyển (*bản photocopy*).
8. Giấy xác nhận thuộc diện ưu tiên (*phụ lục 11*) và các giấy tờ minh chứng có liên quan.
9. Đối với thí sinh trình độ thạc sĩ và CKII được miễn thi môn ngoại ngữ phải nộp bản sao (*có công chứng*) các văn bằng, chứng chỉ và giấy tờ liên quan theo quy định.

### **Đối với thí sinh dự thi trình độ tiến sĩ cần thêm:**

10. Bản sao (*có công chứng*) bằng điểm đại học đối với tất cả thí sinh; giấy xác nhận xếp loại tốt nghiệp của cấp có thẩm quyền cấp bằng nếu bằng tốt nghiệp đại học không xếp loại.
11. Bản sao (*có công chứng*) bằng thạc sĩ và bằng điểm cao học dành cho thí sinh là thạc sĩ.
12. Bản sao (*có công chứng*) văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ.
13. Ít nhất một thư giới thiệu như trong mục d của điều kiện xét tuyển tiến sĩ.
14. Sáu bộ danh mục các công trình nghiên cứu gồm bản sao các công trình khoa học đã được công bố (gồm trang bìa, trang mục lục, toàn văn bài báo của tác giả).
15. Sáu quyển Đề cương nghiên cứu (tiêu chuẩn người hướng dẫn xem *phụ lục 12*).

- Thí sinh đăng ký hồ sơ dự thi trực tuyến tại trang thông tin điện tử <http://tuyensinh.ump.edu.vn> trước khi nộp hồ sơ đăng ký dự thi.
- Tất cả các giấy tờ trên được xếp theo thứ tự, đựng trong túi hồ sơ đăng ký dự thi và nộp trực tiếp tại Phòng Đào tạo Sau đại học - Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh.
- Phòng Đào tạo Sau Đại học chỉ nhận hồ sơ khi đủ các giấy tờ theo quy định và không nhận hồ sơ qua đường bưu điện.
- Khi nộp hồ sơ dự thi, thí sinh **phải mang theo bản gốc các văn bằng, quyết định, chứng chỉ, bằng điểm và giấy tờ có liên quan** để đối chiếu.
- Hồ sơ và các khoản thu liên quan đến thi tuyển sẽ không hoàn lại nếu thí sinh không được dự thi, bỏ thi hoặc thi không đạt.
- Thí sinh giả mạo các giấy tờ pháp lý, khai man, gian lận trong làm hồ sơ lý lịch sẽ không được dự thi, nếu đã dự thi mà bị phát hiện khai man, giả mạo hồ sơ sẽ hủy kết quả thi. Các trường hợp vi phạm sẽ bị lập biên bản và gửi cho cơ quan có thẩm quyền để xử lý theo quy định.

## VII. THỜI GIAN - ĐỊA ĐIỂM PHÁT HÀNH VÀ NHẬN HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ THI

- Thời gian phát hành hồ sơ: từ ngày **06/4/2020**.

- Thí sinh đăng ký hồ sơ dự thi trực tuyến tại trang thông tin điện tử <http://tuyensinh.ump.edu.vn> từ ngày **20/4/2020** đến hết ngày **08/5/2020**. Sau khi đăng ký thành công, Hội đồng tuyển sinh sẽ cung cấp cho thí sinh 1 mã hồ sơ đăng ký (*thí sinh sử dụng mã hồ sơ này để đối chiếu khi nộp hồ sơ chính thức*), đồng thời gửi email xác nhận và hẹn ngày nộp hồ sơ (*yêu cầu thí sinh nộp hồ sơ đúng theo lịch hẹn*).

- Thời gian nhận hồ sơ: từ ngày **04/5/2020** đến hết ngày **08/5/2020** (*Hội đồng tuyển sinh không giải quyết hồ sơ đăng ký dự thi nộp quá thời hạn quy định*).

- Nhận giấy báo dự thi: vào hai ngày **02 và 03/6/2020**.

- Địa điểm phát hành và nhận hồ sơ: **Phòng Đào tạo Sau đại học - Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh** (217 Hồng Bàng, P.11, Q.5, Thành phố Hồ Chí Minh – (028) 38573461).

## VIII. KHOẢN THU ÔN TẬP VÀ THI TUYỂN

### \* Ôn tập:

- Tổ chức ôn tập các môn cơ sở và ngoại ngữ:
  - + Môn cơ sở: Trình độ thạc sĩ, CKI.
  - + Môn ngoại ngữ: Trình độ thạc sĩ, CKII.
- Đăng ký, nộp tiền ôn tập: **600.000** đồng/môn/thí sinh tại Phòng Kế hoạch Tài chính - Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày **06/4/2020**.
- Thời gian bắt đầu ôn tập: từ ngày **13/4/2020** (lịch ôn tập, địa điểm và đề cương ôn thi xem tại trang thông tin điện tử của Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh vào mục thông báo Phòng Đào tạo Sau đại học).

### \* Thi tuyển:

- Khoản thu đối với thí sinh nộp hồ sơ đăng ký dự thi (bao gồm nhận, kiểm tra, xét duyệt hồ sơ, thi tuyển và báo kết quả trúng tuyển):
  - + Chuyên khoa cấp I: 320.000 đồng/thí sinh.
  - + Chuyên khoa cấp II: 480.000 đồng/thí sinh.
  - + Trình độ thạc sĩ: 440.000 đồng/thí sinh.
  - + Trình độ tiến sĩ: 1.720.000 đồng/thí sinh.
- Thời gian nộp tiền: từ ngày **04/5/2020** đến hết ngày **08/5/2020** tại Phòng Kế hoạch Tài chính - Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh.
- \* Trong thời gian ôn tập và thi tuyển thí sinh tự túc nơi ăn, ở.

## IX. THỜI GIAN THI VÀ ĐỊA ĐIỂM THI

*\* Sáng thứ ba ngày 09/6/2020 thí sinh tập trung tại Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh để nghe phổ biến quy chế và địa điểm thi.*

| NGÀY THI            | BUỔI THI | MÔN THI      | ĐỐI TƯỢNG          | ĐỊA ĐIỂM THI   |
|---------------------|----------|--------------|--------------------|--|
| Thứ ba<br>09/6/2020 | Chiều    | Cơ sở        | CKI, Thạc sĩ       | ĐẠI HỌC Y DƯỢC<br>THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH<br>số 217 Hồng Bàng, P.11, Q.5,<br>Thành phố Hồ Chí Minh |
| Thứ tư<br>10/6/2020 | Sáng     | Chuyên ngành | CKI, CKII, Thạc sĩ |  |
|                     | Chiều    | Ngoại ngữ    | CKII, Thạc sĩ      |  |

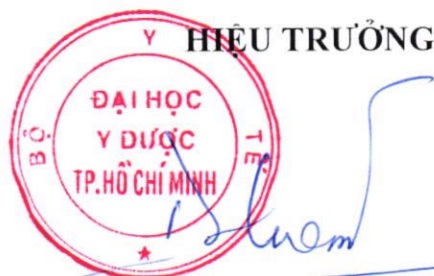
**Đánh giá đề cương dự tuyển nghiên cứu sinh: từ ngày 09/6/2020 đến hết ngày 19/6/2020 tại Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh.**

Thí sinh xem giờ thi, địa điểm thi và kết quả tuyển sinh trên trang thông tin điện tử theo đường dẫn <https://ump.edu.vn/> vào mục thông báo Phòng Đào tạo Sau đại học.

*Mọi thông tin chi tiết vui lòng liên hệ tại Phòng Đào tạo Sau đại học - Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh, 217 Hồng Bàng, P.11, Q.5, Thành phố Hồ Chí Minh; Điện thoại: (028) 38 573 461.*

### Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để báo cáo);
- Bộ Y tế (để báo cáo);
- Lưu VT, P.ĐTSDH.



**PGS.TS. Trần Diệp Tuấn**